TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:164/2025/DS-PT
Ngày: 15 / 7 / 2025
V/v: Tranh chấp quyền về lối đi qua.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Đăng
Bà Phạm Thị Hồng Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc "*Tranh chấp quyền về lối đi qua*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2025/DS-ST, ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4), tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 6 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn:
Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1966 (có mặt)
Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1959 (vắng mặt)
Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị K là bà Nguyễn Thị P (theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2025)
Cùng địa chỉ: ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn:
Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953 (có mặt)
Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971 (có mặt)
Cùng Địa chỉ: ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963 (có đơn vắng mặt)
Ông Lê Văn T, sinh năm 1967(có đơn vắng mặt)
Bà Phạm Thị Bé B, sinh năm 1954 (có đơn vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24/08/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/11/2024 của các nguyên đơn Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị K và trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị K và bị đơn bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N là chị em ruột, tất cả đều có nhà ở và đất liền nhau, ở phía trước sân nhà có một lối đi từ nhà bà K, tới nhà bà P, tới nhà bà N để đi ra đường công cộng.

Bà P là chủ sử dụng thửa đất 465, tờ bản đồ 16, diện tích 267,8 m^2; Bà H là chủ sử dụng thửa đất 464, tờ bản đồ 16, diện tích 1284,9 m^2, các thửa đất tọa lạc tại ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Vào ngày 20/11/2018 bà H có chuyển nhượng cho bà N một căn nhà gắn liền với đất trong đó có lối đi đang tranh chấp, bà H có làm tờ xác nhận ngày 20/11/2018 có nội dung phần sân trước đường đi để đi chung không được quyền rào, không được trồng cây. Nay bà N rào đường ở phần trước sân của bà N chỉ cho bà P, bà K đi qua lối đi ngang 0,4m x dài 10m thuộc thửa 464 nên việc đi lại sinh hoạt của gia đình gặp khó khăn bị lá dừa nước che chắn, gia đình bà P, bà K không còn lối đi nào khác gần và thuận lợi. Bà P, bà K xin được chặt lá dừa nước dưới mương lấp đất để lấn ra làm đường đi ngang 1,5m x dài 10m thuộc thửa 464 nhưng bà N, bà H không đồng ý. Bà P, bà K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và bà N phải mở cho nguyên đơn bà P, bà K một lối đi cặp mé mương lá dừa ngang 1,5m, dài 10m thuộc tách thửa 464.

Tại bản khai ý kiến ngày 02/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Vào ngày 07/11/2016 bà N có nhận chuyển nhượng của bà H 300m^2 đất để cất nhà ở, giá chuyển nhượng 220.000.000đ, bà N đã quản lý sử dụng đất từ năm 2016 cho đến nay. Khi mua đất phía trước cửa nhà là một xẻo lá chứ không có lối đi, bà N đã san lấp xẻo lá làm sân khoảng 3m. Hiện tại bà N đang đi lối đi qua đất bà M, qua đất bà B được bà B cho đi nhờ theo bản án Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết ngày 30/6/2022 rồi mới tới đường chính, Hiện tại bà P và bà K đang đi trên đất sân nhà của bà N ngang 0,5m. Nay bà N đồng ý mở lối đi trên phần đất của bà N phía trước sân nhà bà N, nhưng phải trả giá trị đất cho bà N theo giá mà bà N đã chuyển nhượng của bà H số tiền 700.000đ/ m^2 x 8,5 m^2 = 5.950.000đ. Nếu bà P, bà K muốn đi không trả tiền thì đi lối đi cũ sau lưng nhà bà N trên phần đất của bà Huỳnh C mé sông qua phần đất của ông Phạm Văn C1 rồi ra đường công cộng.

*Tại bản khai ý kiến ngày 02/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:n*gày 07/11/2016 bà H có chuyển nhượng cho bà N 300m^2 đất để cất nhà ở trước khi bà Huỳnh B1 đất cho bà K hai năm, bà N đã quản lý sử dụng đất từ năm 2016 cho đến nay. Khi chuyển nhượng đất đã giao toàn quyền cho bà N nên bà H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P, bà K mà do bà N quyết định.

Tại bản khai ý kiến ngày 12/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà M là chị em ruột với bà H, bà N, bà K và

bà P. Nhà của bà M ở đầu đường để đi ra đường T, phía trong là nhà của bà N, nhà của bà K1 và nhà của bà P. Nguồn gốc các thửa đất là của cha các bà để lại cho bà Nguyễn Thị H, sau đó bà H đã chuyển nhượng một phần đất cho bà Nguyễn Thị N có nhà trên đất, chuyển nhượng đất cho bà K, bà P để cất nhà ở. Khi chuyển nhượng đất bà H có viết giấy chừa đường đi không ai được trồng cây trên phần đất đó. Lối đi đó là lối đi từ xưa đến nay khi cha các bà còn sống vẫn sử dụng lối đi này để qua nhà bà M. Nay bà M có ý kiến đề nghị bà H phải giữ lời hứa dành đường đi để bà P và bà K có lối đi ra đường công cộng.

Tại bản khai ý kiến ngày 15/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn T trình bày: Đường đi tranh chấp là đường đi chung trong vườn cho mấy anh chị em đi từ xưa đến giờ hơn 75 năm để đi ra đường chính, nếu bà N không cho đi trên sân thì phải cho đi cặp mé lá trên phần đất của bà H đứng tên quyền sử dụng đất.

Tại bản khai ý kiến ngày 02/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị Bé B trình bày: Phần đất tranh chấp có diện tích 19,5m^2 tọa lạc tại ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long trong đó có diện tích 11m^2 thuộc tách thửa 351 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà B. Nguồn gốc đất là của ông Dương Văn T1 tặng cho ông Dương Thành T2, sau đó ông T2 chuyển nhượng đất cho bà B theo bản án sơ thẩm số 05/2022/DSST ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm. Phần quyết định của bản án đã Công nhận sự thoả thuận giữa ông Dương Văn T1, bà Trương Thị Mỹ L, ông Dương Thành T2, bà Tô Thị L1 với bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị H thống nhất ranh đất không tranh chấp thửa 351 diện tích theo đo đạc là 382,5m^2. Ông T1, ông T2, bà L1, bà L, bà Bé B có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật tại thửa 351, diện tích 382,5m^2. Bà B có ký tên vào biên bản đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 26/11/2024 là đồng ý cho bà P và bà K đi trên phần đất có diện tích 11 m^2 thuộc thửa 351 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà B, không yêu cầu bà P, bà K trả cho giá trị thiệt hại về đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST, ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4), tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị K.

Buộc bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ dành cho gia đình bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị K được quyền sử dụng phần đất có diện tích 8,5 m^2 (trong đó có 3,8 m^2 + 4,7 m^2) và toàn bộ lá dừa nước trên phần đất 8,5 m^2 thuộc tách thửa 464, tờ bản đồ số 16, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long để làm lối đi ra đường chính. Bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị K được quyền cải tạo, bồi đắp phần đất lối đi.

Bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị K không phải đền bù thiệt hại về việc sử dụng phần đất lối đi cho bà Nguyễn Thị N.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Bé B dành cho gia đình bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị K được quyền sử dụng phần đất có diện tích 11 m^2 toàn bộ lá dừa nước trên phần đất 11 m^2 thuộc tách thửa 351, tờ bản đồ số 16,

loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long để làm lối đi ra đường chính. Bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị K được quyền cải tạo, bồi đắp phần đất lối đi.

Bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị K không phải đền bù thiệt hại về việc sử dụng phần đất lối đi cho bà Phạm Thị Bé B.

Phần đất lối đi có diện tích 19,5 m^2 (trong đó có 3,8 m^2 + 4,7 m^2 thuộc tách thửa 464 và 11 m^2 thuộc tách thửa 351) có vị trí theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 20/02/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 01/4/2025 bà Nguyễn Thị N kháng cáo, ngày 03/4/2025 bà Nguyễn Thị H kháng cáo.

Bà N yêu cầu: buộc bà Nguyễn Thị K và bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà N giá trị quyền sử dụng đất mở lối đi diện tích 8,5m^2 với giá là 5.950.000đ. Bà N không đồng ý nộp tiền chi phí tố tụng 1.270.000đ.

Bà H yêu cầu: buộc bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị P phải trả tiền đất mở lối đi cho bà Nguyễn Thị N vì đất này bà Nguyễn Thị H đã bán cho bà Nguyễn Thị N năm 2016 và bà N là người quản lý sử dụng cho đến nay. Do đó bà H không còn trách nhiệm trên đất này và bà H không chịu tiền chi phí tố tụng theo án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị Huỳnh G nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Nguyễn Thị P không đồng ý trả giá trị đất cho các bị đơn, bà P và bà P đại diện cho bà K tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm là 2.540.000đ.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị N. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 21/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4- Vĩnh Long) về nội dung: Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 2.540.000đ, buộc bà Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị K mỗi người phải nộp là 1.270.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải

chịu án phí phúc thẩm.
Các nội dung khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngày 21/3/2025,Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên án, ngày 01/4/2025 và ngày 03/4/2025 bị đơn bà H, bà N kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của các bị đơn;

Bà P là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất 465, diện tích 267,8m^2, đất trồng cây lâu năm, tại ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã Q, tỉnh Vĩnh Long) do bà Nguyễn Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có một căn nhà tường của bà P và một căn nhà tường của bà K đang quản lý sử dụng, đất có nguồn gốc do bà H chuyển nhượng cho bà K sau đó bà K chuyển nhượng cho bà P. Để đi ra đường công cộng, gia đình bà P, bà K phải đi qua thửa đất 464, diện tích 1284,9m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm do bà Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất và bà H đã chuyển nhượng cho bà N một phần diện tích 300m^2, có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, có xác nhận của trưởng ấp Q ghi ngày 20/11/2019 và xác nhận của chính quyền địa phương, bà N đã trả đủ tiền cho bà H vào ngày 07/11/2026 âl, bà N đã nhận đất sử dụng. Do vậy để đi ra đường công cộng thì bà P, bà K phải đi qua phần đất thửa 464 (thửa cũ 339) diện tích 1.284,9m^2 do bà Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất nhưng bà N đang quản lý, sử dụng.

[2] Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 20/02/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện V xác định: phần đất tranh chấp có diện tích 19,5m^2, trong đó có diện tích 8,5 m^2 (3,8 m^2+ 4,7 m^2) thuộc tách thửa 464 do bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã chuyển nhượng cho bà N quản lý sử dụng (hiện trạng là mương lá dừa nước); Diện tích 11 m^2 thuộc tách thửa 351 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà B (hiện trạng là mương lá dừa nước). Nay bà B đồng ý cho bà P, bà K được quyền sử dụng phần đất 11m^2 thuộc tách thửa 351 để ra đường công cộng, không phải bồi hoàn giá trị thiệt hại về đất cho bà B nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện này của bà B.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N thừa nhận bà P, bà K sử dụng phần đất 8,5m^2 thuộc tách thửa 464 làm lối đi không gây thiệt hại cho bà N. Hiện trạng phần đất lối đi là mương lá dừa nước, muốn sử dụng phần đất này để làm lối đi thì bà P, bà K phải bồi đắp mới đi được. Bà N và bà H đồng ý cho bà P, bà K được sử dụng phần đất có diện tích 8,5 m^2 thuộc tách thửa 464 (trong đó có diện

tích 3,8 m^2 + diện tích 4,7 m^2) để làm lối đi ra đường công cộng, nhưng bà P, bà K phải trả cho bà N giá trị đất số tiền 700.000đ/m^2 x 8,5 m^2 = 5.950.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy diện tích 8,5 m^2 đất trồng cây lâu năm là không đủ hạn mức tách thửa, phía nguyên đơn bà K, bà P cũng không đồng ý nhận chuyển nhượng đất mà chỉ xin được sử dụng phần đất lối đi diện tích 8,5 m^2 thuộc tách thửa 464, không bồi thường thiệt hại về đất là do đất tranh chấp là mương lá khi sử dụng đất không gây thiệt hại cho bị đơn mà nguyên đơn phải tốn nhiều chi phí bồi đắp đất để tôn tạo lối đi.

[4] Xét phần đất tranh chấp lối đi diện tích 8,5 m^2 có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn K2 là cha của bà P, bà K, bà N, bà H và bà M. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 127/2022/DSPT ngày 30/06/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã có hiệu lực pháp luật thì bà P, bà K và bà N cùng thống nhất trình bày: " Bà P, bà K, bà N đã sử dụng lối đi trên thửa đất số 350 của bà M, và thửa đất 291 (nay là thửa 351) của ông T1 (đã chuyển nhượng cho bà B) lối đi này tồn tại rất lâu đời từ thời cha mẹ các bà". Lời trình bày này phù hợp với lời khai của bà K, bà P là lối đi này có từ thời ông K2 là cha của các bà, khi ông K2 còn sống thì căn nhà ông K2 có vị trí ngay thửa đất 465 (thửa cũ 339) do bà P đứng tên quyền sử dụng đất.

[5] Bà H thừa nhận nguồn gốc đất lối đi là của cha bà, sau đó bà chuyển nhượng cho bà N một phần đất để bà N cất nhà ở nhưng chưa sang tên, bà H có chuyển nhượng cho bà K một phần đất để cất nhà ở, sau đó bà K chuyển nhượng đất lại cho bà P. Khi bà K nhận chuyển nhượng đất của bà H thì bà H có ký tên vào tờ xác nhận ngày 20/11/2018 có nội dung: "Tôi tên Nguyễn Thị H có bán cho em Nguyễn Thị N một cái nhà, phần sân trước đường đi để đi chung, không được quyền rào, không được trồng cây".

[6] Xét hiện trạng lối đi là một cái mương lá dừa nước, bà N thừa nhận khi bà P, bà K sử dụng phần đất 8,5m^2 không gây thiệt hại gì cho bà N, đất lối đi có nguồn gốc là của ông bà, khi bà H chuyển nhượng đất cho bà K có làm tờ giấy xác nhận lối đi chung là phù hợp khoản 3 Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trong trường hợp bất động sản được chia thành nhiều phần cho các chủ sở hữu, chủ sử dụng khác nhau thì khi chia phải dành lối đi cần thiết cho người phía trong mà không có đền bù. Do vậy bà K, bà P yêu cầu được sử dụng phần đất diện tích 8,5m^2 thuộc tách thửa 464 để làm lối đi và không phải bồi thường thiệt hại về việc sử dụng phần đất này là có căn cứ chấp nhận. Do đó Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4) xử không buộc bà P, bà K trả giá trị đất cho bà N là có căn cứ, đúng quy định.

[7] Xét kháng cáo của bà H và bà N không chịu tiền chi phí tố tụng, xét thấy: tại phiên tòa phúc thẩm bà P và bà P đại diện cho bà K tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 2.540.000đ, đây là do phát sinh tình tiết mới nên chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn, sửa án sơ thẩm, không buộc các bị đơn phải hoàn trả nguyên đơn tiền chi phí tố tụng.

[8] Về án phí phúc thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do sửa án nên các bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị Huỳnh .

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST, ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4), tỉnh Vĩnh Long về phần chi phí tố tụng.

Căn cứ Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 29, 236 Luật đất đai năm 2024; các Điều 147, 157, 165, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị K.

1. Buộc bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ dành cho gia đình bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị K được quyền sử dụng phần đất có diện tích 8,5m^2 (trong đó có 3,8 m^2 + 4,7 m^2) và toàn bộ lá dừa nước trên phần đất 8,5m^2 thuộc tách thửa 464, tờ bản đồ số 16, loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã Q, tỉnh Vĩnh Long) để làm lối đi ra đường công cộng. Bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị K được quyền cải tạo, bồi đắp phần đất lối đi.

Bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị K không phải đền bù thiệt hại về việc sử dụng phần đất lối đi nêu trên cho bà Nguyễn Thị N.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Bé B dành cho gia đình bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị K được quyền sử dụng phần đất có diện tích 11 m^2 toàn bộ lá dừa nước trên phần đất 11 m^2 thuộc tách thửa 351, tờ bản đồ số 16, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã Q, tỉnh Vĩnh Long) để làm lối đi ra đường công cộng. Bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị K được quyền cải tạo, bồi đắp phần đất lối đi.

Bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị K không phải đền bù thiệt hại về việc sử dụng phần đất lối đi cho bà Phạm Thị Bé B.

Phần đất lối đi có diện tích 19,5m^2 (trong đó có 3,8m^2 + 4,7m^2 thuộc tách thửa 464 và 11m^2 thuộc tách thửa 351) có vị trí theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 20/02/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V (kèm theo bản án).

3. Về chi phí tố tụng: bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị K phải chịu 2.540.000đ và đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị K được miễn nộp án phí sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị P không phải nộp án phí sơ thẩm. Hoàn trả bà P số tiền tạm

ứng án phí là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009497 ngày 24 tháng 10 năm 2024 và biên lai thu số 0009582 ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 4), tỉnh Vĩnh Long.

5.Về án phí dân sự phúc thẩm: hoàn trả bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010009 ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 4), tỉnh Vĩnh Long.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- TAND khu vực 4-Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 4-Vĩnh Long;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình